



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT  
VIỆT NAM- CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

## **MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 57

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Công ty mẹ) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

### **Khái quát về Tổng công ty**

Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam-Công ty cổ phần là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam-TNHH Một thành viên (do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ). Tổng công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức là Công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0300585984, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 31/12/2014 với vốn điều lệ của Tổng công ty là 1.218.000.000.000 đồng do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Tổng công ty tại 31/12/2015 là: 1.218.000.000.000 đồng.

#### **• Trụ sở chính**

Địa chỉ : 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Số điện thoại : 08 38 294 513 – 08 38 230 296  
Số Fax : 08 38 293 586  
Mã số thuế : 0300585984

#### **• Chi nhánh Hà Nội**

Địa chỉ : Số 8 Cát Linh, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội  
Số điện thoại : 04 38 452 721  
Số Fax : 04 37 338 598

#### **• Ngành nghề kinh doanh của Công ty mẹ:**

- Sản xuất, kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa và các sản phẩm từ cây có dầu.
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên liệu, dầu thực vật, sản phẩm tinh dầu, nông lâm sản có dầu và vật tư thiết bị chuyên dùng phục vụ cho nhiệm vụ của Tổng công ty.
- Khai thác và cung cấp các dịch vụ cảng để xuất nhập khẩu dầu thực vật và các loại hàng hoá khác.
- Đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu cây có dầu.
- Sản xuất, kinh doanh các loại bao bì.
- Chế biến thức ăn chăn nuôi (gia súc, gia cầm, thủy sản).
- Chế biến lương thực, thực phẩm (xay xát lúa mì, mì ăn liền, bánh kẹo, sữa).
- Sản xuất diesel sinh học (biodiesel), bia, nước giải khát (không sản xuất tại trụ sở công ty).
- Cho thuê kho, bãi, nhà để làm văn phòng làm việc (chỉ thực hiện khi có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt).
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ: Tổng giám đốc



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM-CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Tp.HCM

- Các Công ty con được hợp nhất khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2015 :
  - CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN
    - + Địa chỉ : 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, Tp.HCM
    - + Vốn điều lệ : 189.802.000.000 VND (Đã góp đủ)
    - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 51,87%(Tỷ lệ lợi ích trực tiếp 51%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp 0,87%)
    - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51,87%
  - CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU THỰC VẬT (nay là Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật)
    - + Địa chỉ : 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đakao, quận 1, Tp.HCM
    - + Vốn điều lệ : 15.500.000.000 VND
    - + Vốn điều lệ thực góp : 15.500.000.000 VND
    - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100%
    - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
  - CÔNG TY CỔ PHẦN TRÍCH LY DẦU THỰC VẬT (nay là Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật)
    - + Địa chỉ : 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đakao, quận 1, Tp.HCM
    - + Vốn điều lệ : 71.600.000.000 VND
    - + Vốn điều lệ thực góp : 71.600.000.000 VND
    - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100%
    - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2015:
  - CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TÂN BÌNH
    - + Địa chỉ : 889 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM
    - + Vốn điều lệ : 89.332.140.000 VND (Đã góp đủ)
    - + Tỷ lệ phần sở hữu : 17,84%
    - + Tỷ lệ quyền biểu quyết : 17,84%
  - CÔNG TY DẦU ĂN GOLDEN HOPE NHÀ BÈ
    - + Địa chỉ trụ sở chính : Đường Gò Ô Môi, Phường Phú Thuận, Quận 7, Tp.HCM
    - + Vốn điều lệ : 97.702.126.518 VND (# 5.698.050,70 USD) (Đã góp đủ)
    - + Tỷ lệ phần sở hữu : 49%
    - + Tỷ lệ quyền biểu quyết : 49%
  - CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT CÁI LÂN
    - + Địa chỉ trụ sở chính : Cảng Cái Lân, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
    - + Vốn điều lệ : 54,530,168 USD # 917.388.954.166 VND (Đã góp đủ)
    - + Tỷ lệ phần sở hữu : 24%
    - + Tỷ lệ quyền biểu quyết : 24%

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM-CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Tp.HCM

- CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM LG VINA

- + Địa chỉ trụ sở chính : KCN Nhơn Trạch II huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai
- + Vốn điều lệ : 113.522.940.000 VND (Đã góp đủ)
- + Tỷ lệ phần sở hữu : 40%
- + Tỷ lệ quyền biểu quyết : 40%

- CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

- + Địa chỉ trụ sở chính : Lô 6-12 KCN Tân Thới Hiệp, Quận 12, Tp.HCM
- + Vốn điều lệ : 80.000.000.000 VND (Đã góp đủ)
- + Tỷ lệ phần sở hữu : 49,82% (sở hữu trực tiếp 44,16%, sở hữu gián tiếp 5,66%)
- + Tỷ lệ quyền biểu quyết : 51.05%

(Trong đó, Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam sở hữu 44,16%, Công ty CP Dầu thực vật Tường An sở hữu 2,4%, Công ty CP Thương mại dầu thực vật sở hữu 4,49%. Do phần đầu tư của công ty CP Thương mại dầu thực vật vào Công ty Bao bì dầu thực vật chỉ có tính chất ngắn hạn, được phân loại là chứng khoán kinh doanh nên Công ty Bao bì dầu thực vật chỉ được xem là công ty liên kết của Tổng công ty)

- CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT MIỀN BẮC VIỆT NAM

- + Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 3, Sentinel Place, 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- + Vốn điều lệ : 504.000.000.000 VND (Đã góp đủ)
- + Tỷ lệ phần sở hữu : 30%
- + Tỷ lệ quyền biểu quyết : 30%

**Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ban Tổng giám đốc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

**Hội đồng quản trị Tổng công ty**

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Trần Kim Thành	Trung Quốc	Chủ tịch	29/11/2014
- Ông Trần Lệ Nguyễn	Trung Quốc	Thành viên	29/11/2014
- Ông Nguyễn Hùng Cường	Việt Nam	Thành viên	29/11/2014
- Ông Đinh Quốc Hưng	Việt Nam	Thành viên	29/11/2014
- Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Việt Nam	Thành viên	29/11/2014

**Ban Tổng giám đốc Tổng công ty**

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Việt Nam	Tổng giám đốc	15/09/2015	-
- Ông Đỗ Ngọc Khải	Việt Nam	Tổng giám đốc	01/01/2015	14/9/2015
- Ông Nguyễn Hùng Cường	Việt Nam	Phó tổng giám đốc	01/01/2015	-
- Ông Dương Anh Tuấn	Việt Nam	Phó tổng giám đốc	01/01/2015	-
- Ông Đinh Quốc Hưng	Việt Nam	Phó tổng giám đốc	01/01/2015	-

CH  
AM  
V  
VIỆP  
TY  
C

**Ban kiểm soát**

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Bà Lê Nguyễn Thị Mai Ngân	Việt Nam	Trưởng ban	29/11/2014
- Bà Nguyễn Thị Oanh	Việt Nam	Thành viên	29/11/2014
- Ông Văn Tích Vĩnh	Việt Nam	Thành viên	29/11/2014

**Kế toán trưởng**

Ông Hồ Minh Sơn	Việt Nam	Kế toán trưởng kiểm Giám đốc tài chính	01/01/2015
-----------------	----------	---	------------

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam – AASCS đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty cổ phần và các Công ty con.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho Báo cáo tài chính hợp nhất này; những nội dung cần thuyết minh đã được trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng giám đốc đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ XUÂN LIÊU

Số: ~~367~~.BCKT /TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015  
của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty cổ phần và các Công ty con

**Kính gửi:** **Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc**  
**Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam-Công ty cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty Công nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam – Công ty cổ phần và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) được lập ngày 22/04/2016 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và được trình bày từ trang 07 đến trang 57 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

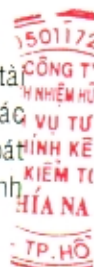
Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại thuyết minh số 6.16. Chi phí trả trước dài hạn, năm 2015 là năm tài chính đầu tiên Tổng công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Tổng công ty phân bổ lợi thế kinh doanh với thời hạn là 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2014 (về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần). Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính (về việc hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp) lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần không quá 3 năm. Nếu Tổng công ty phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh là 03 năm, chỉ tiêu Chi phí quản lý sẽ tăng khoảng 5.968 triệu đồng và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm một khoản tương ứng.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty cổ phần và các Công ty con tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2016

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**  
Phó Tổng Giám đốc



**ĐÌNH THẾ ĐƯỜNG**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0342-2013-142-1

Kiểm toán viên

**LƯU VINH KHOA**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số : 0166-2013-142-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Xem TM 9.10)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.675.955.616.616</b>	<b>2.000.856.898.196</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6.1</b>	<b>212.671.695.457</b>	<b>653.385.260.529</b>
1. Tiền	111		124.511.640.084	414.539.511.410
2. Các khoản tương đương tiền	112		88.160.055.373	238.845.749.119
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>257.826.954.422</b>	<b>78.622.954.422</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.826.954.422	2.826.954.422
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	<b>6.2</b>	255.000.000.000	75.796.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>261.557.564.003</b>	<b>333.495.336.497</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>6.3</b>	137.700.726.468	200.125.541.466
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>6.4</b>	3.750.367.462	1.626.663.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>6.5.1</b>	124.654.379.319	131.743.131.531
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	<b>6.7</b>	(5.642.232.000)	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	<b>6.8</b>	1.094.322.754	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6.9</b>	<b>866.189.245.286</b>	<b>887.009.879.408</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>6.9</b>	878.753.528.997	898.613.340.422
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	<b>6.9</b>	(12.564.283.711)	(11.603.461.014)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>77.710.157.448</b>	<b>48.343.467.349</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.010.490.576	1.744.429.180
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		59.518.050.473	30.657.375.320
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	<b>6.10</b>	16.181.616.399	15.941.662.840
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.422.995.186.881</b>	<b>1.336.846.951.897</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>135.000.000</b>	<b>135.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	<b>6.5.2</b>	135.000.000	135.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>397.909.478.867</b>	<b>430.239.816.170</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>6.11</b>	377.144.634.216	408.132.125.763
- Nguyên giá	222		896.897.821.956	865.772.024.077
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(519.753.187.740)	(457.639.898.314)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>6.12</b>	20.764.844.651	22.107.690.407
- Nguyên giá	228		38.150.965.378	38.150.965.378
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.386.120.727)	(16.043.274.971)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>6.13</b>	<b>261.360.122</b>	<b>6.400.007.451</b>
- Nguyên giá	231		2.178.001.042	13.464.867.484
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.916.640.920)	(7.064.860.033)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.400.228.663</b>	<b>1.091.564.010</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	<b>6.14</b>	2.400.228.663	1.091.564.010
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>993.992.182.630</b>	<b>868.250.296.537</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>6.15</b>	993.992.182.630	868.250.296.537
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>28.296.936.599</b>	<b>30.730.267.728</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>6.16</b>	26.856.920.456	28.820.543.446
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>6.17.1</b>	1.440.016.143	1.909.724.282
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>3.098.950.803.497</b>	<b>3.337.703.850.093</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Xem TM 9.10)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.645.966.670.673</b>	<b>2.133.666.894.115</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.631.980.857.130</b>	<b>2.119.929.171.566</b>
1. Phải trả cho người bán	311	6.18	259.581.804.362	93.082.240.852
2. Người mua trả tiền trước	312	6.19	13.657.525.185	11.204.875.315
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.10	6.026.110.360	13.531.181.497
4. Phải trả công nhân viên	314		40.453.562.350	45.059.528.411
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	6.20	7.921.020.868	7.111.775.045
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.21	277.642.616.706	562.111.158.911
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	6.22.1	1.007.635.306.241	1.366.145.704.824
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.062.911.058	21.682.706.710
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.985.813.543</b>	<b>13.737.722.549</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		218.309.400	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	6.22.2	13.473.554.982	13.714.121.894
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	6.17.2	293.949.161	23.600.655
<b>D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.452.984.132.824</b>	<b>1.204.036.955.978</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	6.23	<b>1.452.984.132.824</b>	<b>1.204.036.955.978</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(222.284.603.416)	(222.284.603.416)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		424.644.557	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		244.002.567.578	(2.868.767.661)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.868.767.661)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		246.871.335.239	(2.868.767.659)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	6.24	212.841.524.105	211.190.327.055
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>3.098.950.803.497</b>	<b>3.337.703.850.093</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu



Trần Thị Mai Phương

Kế toán trưởng



Hồ Minh Sơn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Xuân Liễu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Xem TM 9.10)
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.1	5.040.728.472.036	5.721.845.919.602
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	7.1	5.298.168.363	9.008.486.577
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	7.1	5.035.430.303.673	5.712.837.433.025
4. Giá vốn hàng bán	11	7.2	4.518.316.823.235	5.145.798.700.138
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>517.113.480.438</b>	<b>567.038.732.887</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.3	184.777.046.335	542.186.629.612
7. Chi phí tài chính	22	7.4	55.551.913.410	73.104.809.968
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		32.435.569.204	50.611.149.574
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	7.5	82.072.901.492	(4.999.588.449)
9. Chi phí bán hàng	25	7.6	272.959.436.120	375.430.022.188
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.7	128.864.375.771	126.290.438.483
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>326.587.702.964</b>	<b>529.400.503.411</b>
12. Thu nhập khác	31	7.8	5.036.211.688	15.515.811.610
13. Chi phí khác	32	7.9	1.428.291.335	1.871.867.470
<b>14. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>3.607.920.353</b>	<b>13.643.944.140</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>330.195.623.317</b>	<b>543.044.447.551</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.10	17.941.985.961	17.673.485.134
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	7.11	740.056.645	307.784.954
<b>18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>311.513.580.711</b>	<b>525.063.177.462</b>
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		277.946.991.189	494.597.145.621
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		33.566.589.522	30.466.031.842
19. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	70	7.12	2.238	-
20. Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu	71	7.13	2.238	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Mai Phương

Hồ Minh Sơn

Nguyễn Thị Xuân Liễu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Xem TM 9.10)
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>330.195.623.317</b>	<b>543.044.447.551</b>
- Khấu hao tài sản cố định	02		58.745.070.799	54.472.072.208
- Các khoản dự phòng	03		6.603.054.697	3.598.934.202
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		959.276.734	1.137.798.921
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(263.073.130.428)	(527.068.179.648)
- Chi phí lãi vay	06		32.435.569.204	50.611.149.574
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>165.865.464.323</b>	<b>125.796.222.809</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		28.357.730.543	95.282.934.756
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19.859.811.425	(174.603.713.927)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(119.129.523.568)	(92.927.600.208)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.697.561.594	2.815.781.943
- Tiền lãi vay đã trả	14		(32.423.503.553)	(50.868.061.814)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(25.350.824.845)	(12.692.759.803)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		266.540.000	534.700.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.676.455.513)	(29.153.590.914)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>29.466.800.406</b>	<b>(135.816.087.159)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23.456.428.869)	(20.818.747.907)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	296.363.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(465.547.000.000)	(75.796.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		286.343.000.000	35.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	178.311.080.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		145.523.514.194	142.850.014.080
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(57.136.914.675)</b>	<b>259.842.709.810</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Xem TM 9.10)
1	2	3	4	5
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	953.400.923.939
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(953.171.570.340)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.033.850.949.419	6.331.051.228.124
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.392.601.914.914)	(6.416.325.964.475)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(54.254.628.450)	(18.190.804.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(413.005.593.945)</b>	<b>(103.236.186.752)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(440.675.708.214)</b>	<b>20.790.435.899</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>6.1</b>	<b>653.385.260.529</b>	<b>632.280.540.590</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(37.856.858)	314.284.040
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>6.1</b>	<b>212.671.695.457</b>	<b>653.385.260.529</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu



Trần Thị Mai Phương

Kế toán trưởng



Hồ Minh Sơn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Xuân Liễu



## **1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam-Công ty cổ phần là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam-TNHH Một thành viên (do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ). Tổng công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức là Công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0300585984, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 31/12/2014 với vốn điều lệ của Tổng công ty là 1.218.000.000.000 đồng do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Tổng công ty tại 31/12/2015 là: 1.218.000.000.000 đồng.

### **1.2. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất, kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa và các sản phẩm từ cây có dầu.
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên liệu, dầu thực vật, sản phẩm tinh dầu, nông lâm sản có dầu và vật tư thiết bị chuyên dùng phục vụ cho nhiệm vụ của Tổng công ty.
- Khai thác và cung cấp các dịch vụ cảng để xuất nhập khẩu dầu thực vật và các loại hàng hoá khác.
- Đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu cây có dầu.
- Sản xuất, kinh doanh các loại bao bì.
- Chế biến thức ăn chăn nuôi (gia súc, gia cầm, thủy sản).
- Chế biến lương thực, thực phẩm (xay sát lúa mì, mì ăn liền, bánh kẹo, sữa).
- Sản xuất diesel sinh học (biodiesel), bia, nước giải khát (không sản xuất tại trụ sở công ty).
- Cho thuê kho, bãi, nhà để làm văn phòng làm việc (chỉ thực hiện khi có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt).
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa.

### **1.3. Tổng số các công ty con**

- Số lượng các công ty con được hợp nhất : 03 công ty
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất : 0 công ty

### **1.4. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

- CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN
  - + Địa chỉ : 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, Tp.HCM
  - + Vốn điều lệ : 189.802.000.000 VND (Đã góp đủ)
  - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 51,87%(Tỷ lệ lợi ích trực tiếp 51%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp 0,87%)
  - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 51,87%
- CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU THỰC VẬT (nay là Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật)
  - + Địa chỉ : 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đakao, quận 1, Tp.HCM
  - + Vốn điều lệ : 15.500.000.000 VND
  - + Vốn điều lệ thực góp : 15.500.000.000 VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng đồng Việt nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100%
- + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%
- CÔNG TY CỔ PHẦN TRÍCH LY DẦU THỰC VẬT (nay là Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật)
  - + Địa chỉ : 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đakao, quận 1, Tp.HCM
  - + Vốn điều lệ : 71.600.000.000 VND
  - + Vốn điều lệ thực góp : 71.600.000.000 VND
  - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100%
  - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

**1.5. Các Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất:** không.

**1.6. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:**

- CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TÂN BÌNH
  - + Địa chỉ : 889 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM
  - + Vốn điều lệ : 89.332.140.000 VND (Đã góp đủ)
  - + Tỷ lệ phần sở hữu : 17,84%
  - + Tỷ lệ quyền biểu quyết : 17,84%
- CÔNG TY DẦU ĂN GOLDEN HOPE NHÀ BÈ
  - + Địa chỉ trụ sở chính : Đường Gò Ô Môi, Phường Phú Thuận, Quận 7, Tp.HCM
  - + Vốn điều lệ : 69.267.776.198 VND (# 5.698.050,70 USD) (Đã góp đủ)
  - + Tỷ lệ phần sở hữu : 49%
  - + Tỷ lệ quyền biểu quyết : 49%
- CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT CÁI LÂN
  - + Địa chỉ trụ sở chính : Cảng Cái Lân, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
  - + Vốn điều lệ : 54,530,168 USD # 917.388.954.166 VND (Đã góp đủ)
  - + Tỷ lệ phần sở hữu : 24%
  - + Tỷ lệ quyền biểu quyết : 24%
- CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM LG VINA
  - + Địa chỉ trụ sở chính : Khu công nghiệp Nhơn Trạch II huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai
  - + Vốn điều lệ : 113.522.940.000 VND (Đã góp đủ)
  - + Tỷ lệ phần sở hữu : 40%
  - + Tỷ lệ quyền biểu quyết : 40%

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM –  
CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

58 Nguyễn Bình Khiêm - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng đồng Việt nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**- CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

- + Địa chỉ trụ sở chính : Lô 6-12 KCN Tân Thới Hiệp, Quận 12, Tp.HCM
- + Vốn điều lệ : 80.000.000.000 VND (Đã góp đủ)
- + Tỷ lệ phần sở hữu : 49,82% (sở hữu trực tiếp 44,16%, sở hữu gián tiếp 5,66%)
- + Tỷ lệ quyền biểu quyết : 51,05%

(Trong đó, Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam sở hữu 44,16%, Công ty CP Dầu thực vật Tường An sở hữu 2,4%, Công ty CP Thương mại dầu thực vật sở hữu 4,49%. Do phần đầu tư của công ty CP Thương mại dầu thực vật vào Công ty Bao bì dầu thực vật chỉ có tính chất ngắn hạn, được phân loại là chứng khoán kinh doanh nên Công ty Bao bì dầu thực vật chỉ được xem là công ty liên kết của Tổng công ty).

**- CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT MIỀN BẮC VIỆT NAM**

- + Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 3, Sentinel Place, 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- + Vốn điều lệ : 504.000.000.000 VND (Đã góp đủ)
- + Tỷ lệ phần sở hữu : 30%
- + Tỷ lệ quyền biểu quyết : 30%

**2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**2.1 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Tổng công ty bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

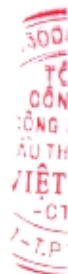
**3. Chế độ kế toán áp dụng**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ tài chính đã ban hành thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế ("Thông tư 200"). Thông tư có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ("Quyết định 15") ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính.

Tổng công ty và công ty con áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được ban hành theo thông tư 200, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202"). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ tài chính. Thông tư 202 được áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.





Tổng công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 202 để lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố các thay đổi này.

Thông tư 202 yêu cầu thay đổi cách trình bày một số khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh số 9.10 của Bản thuyết minh BCTC năm 2015.

### **3.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tổng công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

### **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán**

Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán sau:

- Chuẩn mực kế toán số 07 – Đầu tư vào công ty liên kết
- Chuẩn mực kế toán số 08 – Thông tin về những khoản góp vốn liên doanh
- Chuẩn mực kế toán số 11 – Hợp nhất kinh doanh
- Chuẩn mực kế toán số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con.
- Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.
- Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 liên quan đến hướng dẫn xử lý các nghiệp vụ khi Công ty mẹ đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

### **3.4. Cơ sở hợp nhất :**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam – Công ty cổ phần và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tổng công ty thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tổng công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tổng công ty, các khoản thu nhập, chi phí, các khoản lãi lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, lỗ, và trong tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Tổng công ty, được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

## **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

**4.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền:** các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Tổng công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển

**Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**

Là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng đồng Việt nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Cuối kỳ kế toán, các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá mua và các khoản phải trả bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản giao dịch.

**4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:**

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**4.3. Nguyên tắc ghi nhận khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Tổng công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
  - Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
  - Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.
- Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng đồng Việt nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Tổng công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Tổng công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Tổng công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty)

**4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính:**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình của Công ty mẹ phát sinh trước thời điểm 01/01/2013 được ghi nhận theo giá đánh giá lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình phát sinh sau thời điểm 01/01/2013 được ghi nhận theo giá gốc.

Tài sản cố định của các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính:**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- Quyền sử dụng đất	46 năm
- Phần mềm kế toán	08 năm

**4.5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**4.6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước được phân bổ trong vòng 12 tháng được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí trả trước được liên quan đến nhiều năm tài chính, thời gian phân bổ trên 12 tháng được ghi nhận là chi

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng đồng Việt nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

phí trả trước dài hạn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Tổng công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Tổng công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Tổng Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

**4.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.9. Kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty phản ánh khoản vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp này, các khoản góp vốn góp vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá ghi sổ trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của công ty liên doanh, liên kết khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá mua khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được tương ứng với phần sở hữu của Tổng công ty trong công ty liên kết tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại âm được kết chuyển ngay vào khoản mục "Phần lãi, lỗ từ công ty liên doanh liên kết" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại dương phát sinh từ năm 2015 được phản ánh trong giá trị của khoản đầu tư. Lợi thế thương mại dương phát sinh từ trước năm 2015 được phân bổ trong vòng không quá 10 năm vào khoản mục

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng đồng Việt nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

"Phần Lãi, lỗ trong công ty liên doanh liên kết" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết, Tổng công ty áp dụng các nguyên tắc và giả định sau:

- > Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- > Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định dựa trên đánh giá về khả năng thu hồi, theo đó, Tổng công ty ước tính giá trị hợp lý tương ứng với giá trị ghi sổ trừ đi số dư các khoản dự phòng đã trích lập;
- > Giá trị hợp lý của tài sản cố định được xấp xỉ bằng nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế;
- > Giá trị hợp lý của các khoản mục tài sản và nợ khác không trọng yếu được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ.

Sau ngày ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tổng công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi/ (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được can trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Tổng công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng công ty trong trường hợp cần thiết.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư:**

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập khi các công ty con cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời.

**4.10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, kể cả phần lợi nhuận được chia từ các

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng đồng Việt nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh có nguồn gốc từ lợi nhuận trước thời điểm 30/6/2011 và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**4.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**4.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ này. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**4.13. Công cụ tài chính**

**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, Tổng công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng đồng Việt nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

**Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Tổng công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, công hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) đo giảm giá trị hoặc đo không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Tổng công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):** Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tổng công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính:** Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.14. Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

**Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu**

Kết quả kinh doanh của công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

**Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:** phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng đồng Việt nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con: số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

Công ty con liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành công ty mẹ, công ty liên kết trở thành công ty con.

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ: đối với các công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty con, kế toán ghi giảm giá trị sổ cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi công ty con.

**Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thoả thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của tập đoàn cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ**

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**6.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.930.815.056	2.568.131.533
- Tiền gửi ngân hàng	122.580.825.028	411.971.379.874
- Các khoản tương đương tiền	88.160.055.373	238.845.749.122
<b>Cộng</b>	<b>212.671.695.457</b>	<b>653.385.260.529</b>

**6.2 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khoản tiền gửi kỳ hạn 4 tháng	-	35.000.000.000
- Khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng	255.000.000.000	40.796.000.000
<b>Cộng</b>	<b>255.000.000.000</b>	<b>75.796.000.000</b>

**6.3 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>6.3.1. Ngắn hạn</b>		
+ Công ty CP Dầu thực vật Tân Bình	25.329.089.884	99.458.123.801
+ Công ty TNHH Dịch vụ EB	8.958.951.421	11.670.145.571
+ Liên Hiệp HTX Thương mại Tp. Hồ Chí Minh	4.579.028.037	10.727.807.320
+ Đối tượng khác	94.031.606.616	72.030.478.870
+ Mitsui and Co., Ltd	3.815.063.200	4.378.217.728
+ Sumitomo Coporation Asia & Oceania Pte., Ltd	968.246.050	1.860.768.176
+ Đối tượng khác	18.741.260	-
<b>Cộng</b>	<b>137.700.726.468</b>	<b>200.125.541.466</b>

**6.3.2. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

Công ty cổ phần Tập đoàn Kinh Đô	11.627.814.504	-
Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc	4.847.811.100	3.411.702.797
Công ty TNHH MTV Kì Do	246.000.905	243.305.885
Công ty CP Dầu thực vật Tân Bình	25.329.089.884	99.458.123.801
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	2.677.106.872	3.245.151.782
Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè	190.475.297	-
<b>Cộng</b>	<b>44.918.298.562</b>	<b>106.358.284.265</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**6.4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Chi nhánh công ty TNHH Kỹ Thuật Công Nghệ DKSH	1.279.447.000	-
+ Công ty TNHH máy chiết rót và đóng gói Hòa Phát	343.500.000	-
+ Công ty TNHH TM đầu tư Iclick	255.000.000	-
+ Đối tượng khác	1.490.925.222	1.626.663.500
+ Amcor Flexibles China Co. Limited	381.495.240	-
<b>Cộng</b>	<b>3.750.367.462</b>	<b>1.626.663.500</b>

**6.5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>6.5.1. Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	112.372.264.116	-	121.729.203.016	-
+ Công ty TNHH DTV Cái Lân	112.372.264.116	-	121.729.203.016	-
- Tạm ứng	203.340.762	-	12.626.000	-
- Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	610.780.000	-	41.280.000	-
+ Thuê kho	88.280.000	-	38.280.000	-
+ Taxi Vinasun	-	-	3.000.000	-
+ Mua dầu nành	522.500.000	-	-	-
- Phải thu khác	11.467.994.441	(1.390.000.000)	9.960.022.515	-
+ Công ty cổ phần dầu thực vật Thủ Đức	1.390.000.000	(1.390.000.000)	1.390.000.000	-
+ Khoản thuế tư vệ được hoàn	221.178.529	-	877.904.229	-
+ Thu phí dịch vụ	33.223.952	-	-	-
+ Bảo hiểm bồi thường	1.948.192.065	-	-	-
+ Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.768.359.310	-	3.335.639.704	-
+ Thuế nhập khẩu, thuế tư vệ còn được hoàn	4.096.091.682	-	3.170.633.781	-
+ Khác	10.948.903	-	1.185.844.801	-
<b>Cộng</b>	<b>124.654.379.319</b>	<b>(1.390.000.000)</b>	<b>131.743.131.531</b>	<b>-</b>
<b>6.5.2. Dài hạn</b>				
- Tiến đặt cọc thuê văn phòng cho Công ty Quản lý KD nhà Thành phố	135.000.000	-	135.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>135.000.000</b>	<b>-</b>	<b>135.000.000</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**6.6 NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần Dầu thực vật Thủ Đức				
- Khoản phải thu của hợp đồng mua bán nguyên liệu	4.252.232.000	chưa xác định được	4.252.232.000	chưa xác định được
- Khoản phải thu khác	1.390.000.000	chưa xác định được	1.390.000.000	chưa xác định được
<b>Cộng</b>	<b>5.642.232.000</b>		<b>5.642.232.000</b>	

Tổng công ty đã trích lập dự phòng 100% khoản nợ xấu này tại thời điểm cuối năm.

**6.7 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	5.642.232.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.642.232.000</b>	<b>-</b>

**6.8 TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng tồn kho		
Nành thô	317.672.610	-
RBD Palm Olein	739.360.113	-
Vật tư, bao bì khác	37.290.031	-
<b>Cộng</b>	<b>1.094.322.754</b>	<b>-</b>

**6.9 HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	40.212.866.055	-	51.997.440.181	-
- Nguyên liệu, vật liệu	525.754.313.385	(5.903.212.070)	591.789.461.185	(6.414.197.746)
- Công cụ, dụng cụ	3.365.521.956	-	3.282.043.934	-
- Chi phí SXKD dở dang	72.844.470.815	(1.485.624.970)	47.645.134.668	(1.388.832.096)
- Thành phẩm	166.708.978.394	(5.175.446.671)	169.205.507.139	(3.800.431.172)
- Hàng hóa	69.867.378.392	-	34.693.753.315	-
<b>Cộng</b>	<b>878.753.528.997</b>	<b>(12.564.283.711)</b>	<b>898.613.340.422</b>	<b>(11.603.461.014)</b>

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm và đầu năm;
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay tại thời điểm cuối năm và đầu năm.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phát sinh		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	-	-	394.962.312.740	394.962.312.740	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	25.938.054.153	25.938.054.153	-	-
Thuế nhà thầu	-	-	12.538.603	12.538.603	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.741.830.282	15.371.068.455	17.941.985.961	25.350.824.845	4.513.154.325	15.551.231.382
Thuế thu nhập cá nhân	1.789.301.215	375.836.838	6.191.140.791	7.040.512.354	1.200.477.831	630.385.017
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	194.757.547	1.044.987.408	732.559.204	312.428.204	-
Thuế khác	50.000	-	83.499.101.456	83.499.101.456	50.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.531.181.497</b>	<b>15.941.662.840</b>	<b>529.590.121.112</b>	<b>537.535.903.355</b>	<b>6.026.110.360</b>	<b>16.181.616.399</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.11 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Số dư đầu năm		339.688.953.639	507.501.169.361	13.714.734.384	4.867.166.693	-	865.772.024.077
Số tăng trong năm		17.064.105.904	13.489.072.523	964.224.182	45.550.000	-	31.562.952.609
- Mua trong năm		1.272.913.891	1.890.658.500	204.075.364	45.550.000	-	3.413.197.755
- Đầu tư XDCB hoàn thành		7.948.029.643	8.746.891.769	-	-	-	16.694.921.412
- Chuyển từ BĐS đầu tư		7.843.162.370	2.851.522.254	760.148.818	-	-	11.454.833.442
Số giảm trong năm		325.114.330	112.040.400	-	-	-	437.154.730
- Thanh lý, nhượng bán		325.114.330	112.040.400	-	-	-	437.154.730
Số dư cuối năm		356.427.945.213	520.878.201.484	14.678.958.566	4.912.716.693	-	896.897.821.956
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm		138.026.976.829	306.972.843.665	8.614.116.078	4.025.961.742	-	457.639.898.314
Số tăng trong năm		25.587.249.888	35.011.549.598	1.547.887.595	403.757.075	-	62.550.444.156
- Khấu hao trong năm		19.720.902.977	34.619.496.995	1.547.887.595	282.838.116	-	56.171.125.683
- Chuyển từ BĐS đầu tư		5.866.346.911	392.052.603	-	120.918.959	-	6.379.318.473
Số giảm trong năm		325.114.330	112.040.400	-	-	-	437.154.730
- Thanh lý, nhượng bán		325.114.330	112.040.400	-	-	-	437.154.730
- Giảm khác		-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm		163.289.112.387	341.872.352.863	10.162.003.673	4.429.718.817	-	519.753.187.740
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm		201.661.976.810	200.528.325.696	5.100.618.305	841.204.951	-	408.132.125.763
Tại ngày cuối năm		193.138.832.826	179.005.848.621	4.516.954.893	482.997.876	-	377.144.634.216

#### Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình chờ thanh lý
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai
- Tổng công ty đang thế chấp tài sản là Dây chuyền thiết bị chiết dầu chai 1L; 0,4L; 0,25L và 5L, Dây chuyền tinh luyện dầu thực vật 600 tấn/ngày, Dây chuyền phân đoạn 400T/ngày và Hệ thống đường dẫn dầu dây chuyền tinh luyện 150 tấn/ngày có giá trị còn lại theo sổ sách là 34.192.902.358 VND tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/93451/HĐTD ngày 14 tháng 7 năm 2015.

Số cuối năm

Số đầu năm

: 101.116.288.829

: 104.042.413.939

: Không có

: Không có

: Không có

: Không có

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**6.12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	35.566.017.378	2.584.948.000	38.150.965.378
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	35.566.017.378	2.584.948.000	38.150.965.378
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	13.974.563.971	2.068.711.000	16.043.274.971
Số tăng trong năm	1.084.727.256	258.118.500	1.342.845.756
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	15.059.291.227	2.326.829.500	17.386.120.727
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	21.591.453.407	516.237.000	22.107.690.407
Tại ngày cuối năm	20.506.726.151	258.118.500	20.764.844.651
<b>Ghi chú:</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Nguyên giá TSCĐVH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		3.929.939.531	3.929.939.531

**6.13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	10.021.163.412	2.851.522.254	592.181.818	13.464.867.484
Số tăng trong năm	-	-	167.967.000	167.967.000
- Mua trong năm	-	-	167.967.000	167.967.000
Số giảm trong năm	7.843.162.370	2.851.522.254	760.148.818	11.454.833.442
- Chuyển sang TSCĐHH	7.843.162.370	2.851.522.254	760.148.818	11.454.833.442
Số dư cuối năm	2.178.001.042	-	-	2.178.001.042
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	6.954.098.547	102.536.739	8.224.747	7.064.860.033
Số tăng trong năm	828.889.284	289.515.864	112.694.212	1.231.099.360
- Khấu hao trong năm	828.889.284	289.515.864	112.694.212	1.231.099.360
Số giảm trong năm	5.866.346.911	392.052.603	120.918.959	6.379.318.473
- Chuyển sang TSCĐHH	5.866.346.911	392.052.603	120.918.959	6.379.318.473
Số dư cuối năm	1.916.640.920	-	-	1.916.640.920
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	3.067.064.865	2.748.985.515	583.957.071	6.400.007.451
Tại ngày cuối năm	261.360.122	-	-	261.360.122

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**6.14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đường ống dẫn dầu, hệ thống điện cho xưởng thành phẩm	980.686.417	-
Công trình nạo vét duy tu khu nước trước cầu tàu 20.000 DWT	25.793.636	-
Công trình cải tạo, sửa chữa nhà ép dầu	-	943.637.742
Các công trình khác	1.393.748.610	147.926.268
<b>Cộng</b>	<b><u>2.400.228.663</u></b>	<b><u>1.091.564.010</u></b>

**6.15 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>				
Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	17,84%	22.870.537.085	17,84%	21.646.946.823
Công ty Dầu ấn Golden Hope Nhà Bè	49,00%	47.192.438.524	49,00%	47.192.438.524
Công ty TNHH DTV Cái Lân	24,00%	610.490.861.796	24,00%	509.904.000.000
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG - Vina	40,00%	80.992.513.179	40,00%	67.321.827.562
Công ty cổ phần Bao bì Dầu thực vật	45,38%	76.800.583.486	45,38%	69.653.760.000
Công ty TNHH DTV Khu vực Miền Bắc Việt Nam	30,00%	155.645.248.559	30,00%	152.531.323.628
<b>Cộng</b>		<b><u>993.992.182.630</u></b>		<b><u>868.250.296.537</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**6.14 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- Tóm tắt hoạt động của các công ty liên kết, liên doanh năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31/12/2015:

**Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	753.987.078.540	965.604.840.166
2. Giá vốn hàng bán	703.043.088.221	909.436.210.298
3. Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính	687.385.225	662.078.313
4. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	44.797.173.460	51.238.251.258
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	3.579.538.299	8.064.026.638
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.413.740.383	13.666.483.561
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.458.804.174	10.618.558.785

**Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.776.770.624.733	1.792.190.617.522
2. Giá vốn hàng bán	1.595.112.003.694	1.633.965.100.657
3. Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính	(20.237.098.071)	(4.757.287.169)
4. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	143.145.762.992	153.494.366.852
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	1.051.387.929	533.021.430
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.327.147.905	506.884.274
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.340.740.805	847.717.551

**Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.977.404.420.204	10.535.778.957.590
2. Giá vốn hàng bán	8.842.194.089.702	8.905.287.855.787
3. Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính	(24.419.646.359)	(13.630.884.250)
4. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	982.330.270.127	829.392.978.769
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	(5.962.929.097)	6.291.660.762
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.122.497.484.919	793.758.899.546
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	887.329.691.301	635.505.563.679



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**6.14 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- Tóm tắt hoạt động của các công ty liên kết, liên doanh năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31/12/2015:

**Công ty TNHH Mỹ phẩm LG - Vina**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	942.098.215.391	873.260.708.101
2. Giá vốn hàng bán	409.291.116.538	387.790.315.088
3. Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính	(3.061.484.032)	(2.599.524.844)
4. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	489.316.480.993	458.497.459.315
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	1.851.851.397	1.151.315.217
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.280.985.225	25.524.724.071
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.176.714.043	18.569.344.534

**Công ty cổ phần Bao bì Dầu thực vật**

Chỉ tiêu	Năm nay (chưa kiểm toán)	Năm trước
(1)	(2)	(3)
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	294.631.280.823	298.309.762.914
2. Giá vốn hàng bán	235.721.675.603	247.978.311.979
3. Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính	(908.932.079)	(620.042.304)
4. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	28.728.224.918	24.426.767.524
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	64.366.358	404.394.353
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.336.814.581	25.689.035.460
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.705.981.145	23.485.765.756

**Công ty TNHH DTV Khu vực Miền Bắc Việt Nam**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-
2. Giá vốn hàng bán	-	-
3. Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính	18.377.708.973	6.917.851.273
4. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	4.738.981.978	2.422.300.396
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	-	-
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.638.726.995	4.495.550.877
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.379.749.770	4.130.488.537

- Các giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty công ty liên doanh liên kết: Xem phần thuyết minh 9.3.2

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**6.16 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phân bổ vào chi phí	Số cuối năm
- Lợi thế kinh doanh (*)	25.579.484.425	-	2.557.948.440	23.021.535.985
- Chi phí nạo vét Cảng	1.763.343.012	-	881.671.506	881.671.506
- Chi phí bảo dưỡng phao neo	95.386.931	496.691.818	116.082.423	475.996.326
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	791.230.706	1.655.678.418	889.667.367	1.557.241.757
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	516.434.177	816.787.382	457.494.186	875.727.373
- Chi phí khác	74.664.195	-	29.916.686	44.747.509
<b>Cộng</b>	<b>28.820.543.446</b>	<b>2.969.157.618</b>	<b>4.932.780.608</b>	<b>26.856.920.456</b>

(\*) Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính, lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần không quá 03 năm.

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ tài chính, giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong thời hạn không quá 10 năm kể từ khi doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần. Căn cứ vào quy định này, Tổng công ty đã thực hiện phân bổ lợi thế kinh doanh theo thời hạn 10 năm.

**6.17 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>6.17.1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
<b>Chênh lệch tạm thời</b>		
- Lãi nội bộ chưa thực hiện	4.169.770.013	5.384.732.420
- Khấu hao tài sản cố định	3.030.310.700	3.294.920.895
- Chênh lệch tỷ giá	-	911.605
<b>Cộng</b>	<b>7.200.080.713</b>	<b>8.680.564.920</b>
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>1.440.016.143</b>	<b>1.909.724.283</b>
<b>6.17.2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
<b>Chênh lệch tạm thời</b>		
- Lãi dự thu	-	107.275.705
- Hoàn nhập chi phí dự phòng đầu tư tài chính	114.951.752.524	-
- Thu nhập tính thuế TNDN của Công ty mẹ (113.482.006.719)	(113.482.006.719)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.469.745.805</b>	<b>107.275.705</b>
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>293.949.161</b>	<b>23.600.655</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>6.18.1. Ngắn hạn</b>				
Denali Trading PTE Ltd	134.154.893.239	134.154.893.239	-	-
Wilmar Trading PTE Ltd	29.724.386.487	29.724.386.487	39.930.395.917	39.930.395.917
Delima Oil Products SDN BHD	37.631.898.494	37.631.898.494	-	-
Đối tượng khác	58.070.626.142	58.070.626.142	53.151.844.935	53.151.844.935
<b>Cộng</b>	<b>259.581.804.362</b>	<b>259.581.804.362</b>	<b>93.082.240.852</b>	<b>93.082.240.852</b>
<b>6.18.2. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty cổ phần Bao bì dầu thực vật	858.788.260	858.788.260	574.801.345	574.801.345
Công ty dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	-	-	1.217.872.781	1.217.872.781

### 6.19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH thương mại Cẩm Hương	274.994.600	262.213.600
Công ty TNHH Huy Mai	356.481.800	428.210.600
Korea Zo-Ming General Corporation	1.284.209.479	156.614.192
Công ty khác	11.741.839.306	10.357.836.923
<b>Cộng</b>	<b>13.657.525.185</b>	<b>11.204.875.315</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**6 .20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay phải trả	786.238.388	774.172.707
- Chi phí hỗ trợ bán hàng, vận chuyển	3.667.632.287	4.483.930.540
- Chi phí chiết khấu phải trả	1.375.631.772	-
- Chi phí ló hơi	763.247.340	-
- Chi phí trưng bày sản phẩm	271.612.000	1.820.671.798
- Chi phí khác	1.056.659.081	33.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>7.921.020.868</u></b>	<b><u>7.111.775.045</u></b>

**6 .21 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	1.482.986.401	1.226.857.421
- BHXH, BHYT, BHTN	-	32.370.137
- Phải trả cổ phần hóa	262.764.887.645	548.993.887.645
- Đặt cọc, nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.108.300.000	2.584.340.000
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	76.578.550	59.907.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.209.864.110	9.213.796.708
+ Khoản lãi phải trả nhà đầu tư	8.686.084.000	8.686.084.000
+ Khác	523.780.110	527.712.708
<b>Cộng</b>	<b><u>277.642.616.706</u></b>	<b><u>562.111.158.911</u></b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.22 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

#### 6.22.1. Ngắn hạn

Vay và nợ thuê	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Ngoại thương VN - CN Tp. HCM (a)	355.404.167.115	355.404.167.115	804.394.751.996	804.394.751.996
Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) (b)	188.952.911.739	188.952.911.739	258.794.954.581	258.794.954.581
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN 7 Tp. HCM (c)	426.111.166.457	426.111.166.457	302.033.377.486	302.033.377.486
Ngân hàng TMCP An Bình - SGD, Tp. HCM (d)	36.195.245.236	36.195.245.236	-	-
Công ty CP Phát triển đô thị Công nghiệp số 2 (e)	971.815.694	971.815.694	922.620.761	922.620.761
<b>Cộng</b>	<b>1.007.635.306.241</b>	<b>1.007.635.306.241</b>	<b>1.366.145.704.824</b>	<b>1.366.145.704.824</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Số đầu năm</b>	<b>1.366.145.704.824</b>	<b>1.443.074.138.287</b>
Số tiền vay phát sinh trong năm	4.034.084.282.283	6.339.397.531.012
Số tiền vay đã trả trong năm	4.392.594.680.866	6.416.325.964.475
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.007.635.306.241</b>	<b>1.366.145.704.824</b>

(a) Theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0253/KH/13NH ngày 10/10/2013 và bản sửa đổi số 01/CV-0253/KH/13NH ngày 03 tháng 9 năm 2014:

- Đơn vị vay : Công ty CP Dầu thực vật Tường An
- Hạn mức cho vay : 300.000.000.000 đồng.
- Số dư tại ngày 31/12/15 : 355.404.167.115 đồng;
- Lãi suất vay : được xác định cho từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### (b) Các hợp đồng vay gồm

Theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0417/HĐTD2-VIB601/14 ngày 3/10/2014:

- Hạn mức cho vay : 500.000.000.000 đồng, có thể giải ngân bằng ngoại tệ;
- Số dư tại ngày 31/12/15 : 2.960.293,82 usd # 66.725.022.703 đồng;
- Lãi suất vay : được xác định theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất của số dư tại ngày 31/12/15 là 2,5 %/năm (đây là lãi suất cho vay VND tham chiếu lãi suất USD)
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Tài sản thế chấp : tín chấp;

Theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0447/HĐTD-VIB601/15 ngày 3/12/2015:

- Hạn mức cho vay : 300.000.000.000 đồng, có thể giải ngân bằng ngoại tệ;
- Số dư tại ngày 31/12/15 : 122.227.889.036 đồng;
- Lãi suất vay : được xác định theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất của số dư tại ngày 31/12/15 là 5 %/năm (đây là lãi suất cho vay VND tham chiếu lãi suất USD)
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Tài sản thế chấp : tín chấp;

### (c) Các hợp đồng vay gồm

Theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 15.56.0034/2015-HĐTDHM/NHCT924-VOCARIMEX ngày 19/8/2015:

- Hạn mức cho vay : 400.000.000.000 đồng;
- Số dư tại ngày 31/12/15 : 386.111.166.457 đồng;
- Lãi suất vay : được xác định theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất của số dư tại ngày 31/12/15 là 4,5 %/năm (đây là lãi suất cho vay VND tham chiếu lãi suất USD)
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Tài sản thế chấp : Tín chấp;

Theo Hợp đồng cho vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 14.2120027/HĐHMTD ngày 3/9/2014:

- Đơn vị vay : Công ty CP Dầu thực vật Tường An
- Hạn mức cho vay : 220.000.000.000 đồng.
- Số dư tại ngày 31/12/15 : 40.000.000.000 đồng
- Thời hạn vay : tối đa 4 tháng (theo từng Giấy nhận nợ).
- Lãi suất vay : được xác định cho từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ Lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

### (d) Theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 1077/14/TD/I ngày 25/5/2015:

- Hạn mức cho vay : 200.000.000.000 đồng;
- Số dư tại ngày 31/12/15 : 1.605.822,77 usd # 36.195.245.236 đồng;
- Lãi suất vay : được xác định theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất của số dư tại ngày 31/12/15 là 2,5 %/năm (đây là lãi suất cho vay VND tham chiếu lãi suất USD)
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Tài sản thế chấp : tín chấp;

(e) Theo hợp đồng thuê lại đất để xây dựng nhà máy tại KCN Nhơn Trạch II số 115 ngày 12/05/1998 (góp vốn liên doanh thành lập Công ty TNHH Mỹ phẩm LG\_Vina) và Phụ lục hợp đồng thuê lại đất số 327/PLHĐ-D2D ngày 22/11/2011, tiền thuê đất phải trả hàng năm là 43.153,45 usd # 971.815.694 đồng;

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.22.2. Dài hạn

Nợ tiền thuê đất	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Phát triển đô thị Công nghiệp số 2 (i)	13.473.554.982	13.473.554.982	13.714.121.894	13.714.121.894
<b>Cộng</b>	<b>13.473.554.982</b>	<b>13.473.554.982</b>	<b>13.714.121.894</b>	<b>13.714.121.894</b>

(i) Nợ tiền thuê đất của Công ty Xây dựng Dân dụng Công nghiệp số 2 theo Hợp đồng thuê lại đất để xây dựng nhà máy tại KCN Nhơn Trạch II số 115 ngày 12/05/1998 :

- Thời hạn thuê đất là 30 năm.
- Diện tích đất thuê : 30.000 m<sup>2</sup> tại KCN Nhơn Trạch II, từ 13/01/2011 diện tích đất thuê được điều chỉnh lại là: 29.668 m<sup>2</sup>
- Tổng giá trị thuê lại đất của 30 năm theo diện tích đã điều chỉnh là 1,424,064.00 usd (đã có VAT).
- Số dư tại ngày 31/12/2015: 641,446.30 usd chưa bao gồm thuế GTGT; trong đó, đã chuyển sang khoản mục Nợ dài hạn đến hạn trả được thanh toán trong năm 2016 là 43,153.45 usd # 971.815.694 đồng, phần còn lại sẽ trả tiếp cho các năm tiếp theo là 598,292.85 usd # 13.473.554.982 đồng;
- Mục đích thuê đất là để góp vốn liên doanh thành lập Công ty LD Mỹ phẩm LG-VINA (nay là Công ty TNHH Mỹ phẩm LG-VINA).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**6.23 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**6.23.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quy đầu tư phát triển	Quy dự phòng tài chính	Quy khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>674.533.000.000</b>	<b>81.359.525.847</b>	<b>160.915.638.354</b>	<b>3.797.020.200</b>	<b>877.686.251</b>	<b>295.326.531</b>	<b>180.375.413.343</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	-	290.061.021.033
- Tăng vốn trong năm trước	-	1.780.368.020	-	-	-	-	(1.780.368.020)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(27.858.478.402)
+ Quy thuộc VCSH	-	-	-	3.281.227.750	231.745.466	-	(3.512.973.216)
+ Quy khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(24.345.505.186)
- Điều chỉnh tăng/giảm các khoản đầu tư vào Công ty LD, LK không được phản ánh vào BCKQHĐKD	-	-	-	(6.697.286.868)	-	(295.326.531)	(23.941.249.780)
- Điều chỉnh ảnh hưởng khi Công ty mẹ định giá lại Công ty CP DTV Tương An theo hướng dẫn của thông tư 127/2014/TT-BTC	-	-	-	(150.000.000)	-	-	(39.462.746)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước trước điều chỉnh</b>	<b>674.533.000.000</b>	<b>83.139.893.867</b>	<b>160.915.638.354</b>	<b>230.961.082</b>	<b>1.109.431.716</b>	<b>-</b>	<b>416.905.473.879</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối
<b>Số dư cuối năm trước trước điều chỉnh</b>	<b>674.533.000.000</b>	<b>83.139.893.867</b>	<b>160.915.638.354</b>	<b>230.961.082</b>	<b>1.109.431.716</b>	<b>-</b>	<b>416.905.473.879</b>
- Lãi (lỗ) chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ							(2.868.767.661)
- Điều chỉnh CLĐG lại TS Công ty con	-	-	113.072.606.917	-	-	-	(113.072.606.917)
- Điều chỉnh theo Quyết toán vốn Nhà nước							
+ Tăng các nguồn thuộc VCSH	543.467.000.000		116.438.925.982				137.969.440.484
+ (Giảm) các nguồn khác thuộc VCSH		(83.139.893.867)	(612.711.774.669)	(230.961.082)	(1.109.431.716)		(417.480.979.971)
- Phân phối các quỹ							
+ Quỹ KTPL công ty VOCA từ LNST 2014							(21.862.888.056)
+ Tạm PP quỹ KTPL của các công ty con theo HD TT 202							(2.458.439.419)
<b>Số dư cuối năm trước sau điều chỉnh (Số dư đầu năm nay)</b>	<b>1.218.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(222.284.603.416)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(2.868.767.661)</b>
- Lợi nhuận của công ty mẹ tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	-	277.946.991.189
- Phân phối các quỹ							
+ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	424.644.557	-	-	(424.644.557)
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(2.819.130.589)
- Lỗ do tăng tỷ lệ sở hữu VOT, VOE							(402.044.650)
- Nhà nước thu lợi nhuận năm 2014 chia trong năm 2015							(25.803.170.000)
- Phân phối lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết							(639.999.399)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(986.666.755)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.218.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(222.284.603.416)</b>	<b>424.644.557</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>244.002.567.577</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**6.23.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn Nhà nước	442.119.000.000	442.119.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn KIDO	292.320.000.000	292.320.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng	97.440.000.000	97.440.000.000
Cổ đông khác	386.121.000.000	386.121.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.218.000.000.000</u></b>	<b><u>1.218.000.000.000</u></b>

Công ty không phát hành trái phiếu

**6.23.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.218.000.000.000	674.533.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.218.000.000.000	674.533.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

**6.23.4. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	121.800.000	121.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	121.800.000	121.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	121.800.000	121.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	121.800.000	121.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	121.800.000	121.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

**6.23.5. Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	:	Chưa công bố	không phát sinh
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	:	không phát sinh	không phát sinh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	:	không phát sinh	không phát sinh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**6.24. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ đông không kiểm soát Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	212.841.524.105	210.773.707.411
- Cổ đông không kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Dầu thực vật	-	211.788.068
- Cổ đông không kiểm soát Công ty Cổ phần Trích ly Dầu thực vật	-	204.831.576
<b>Cộng</b>	<b><u>212.841.524.105</u></b>	<b><u>211.190.327.055</u></b>

**6.25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>6.25.1. Ngoại tệ các loại</b>		
- USD	24.295.887.145	43.952.167.294
- EUR	4.756.642	5.574.645
<b>6.25.2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công</b>	<b>74.525.294.887</b>	<b>68.398.303.939</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

#### 7.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
<b>7.1.1. Doanh thu</b>		
- Doanh thu bán hàng	4.965.681.016.872	5.652.715.340.209
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.047.455.164	69.130.579.393
<b>Cộng</b>	<b>5.040.728.472.036</b>	<b>5.721.845.919.602</b>

#### 7.1.2. Doanh thu đối với các bên liên quan

Công ty CP Dầu thực vật Tân Bình	549.888.581.068	800.438.137.990
Công ty Dầu ấn Golden Hope - Nhà Bè	5.297.793.136	47.316.684.382
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	53.358.353.080	58.549.101.784
Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc	71.160.396.000	75.518.410.000
Công ty TNHH MTV Ki Do	16.374.268.200	14.584.237.986
Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	171.888.427.608	-

#### CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	3.448.711.353	4.151.976.020
- Hàng bán bị trả lại	1.849.457.010	4.856.510.557
<b>Cộng</b>	<b>5.298.168.363</b>	<b>9.008.486.577</b>

#### DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	4.960.382.848.509	5.643.706.853.632
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.047.455.164	69.130.579.393
<b>Cộng</b>	<b>5.035.430.303.673</b>	<b>5.712.837.433.025</b>

#### 7.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán hàng	4.470.263.026.478	5.097.118.246.629
- Giá vốn dịch vụ khác	47.092.974.060	45.084.139.549
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	960.822.697	3.596.313.960
<b>Cộng</b>	<b>4.518.316.823.235</b>	<b>5.145.798.700.138</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**7.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.022.206.289	26.641.889.787
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	160.932.216.116	207.169.739.158
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn chưa đáo hạn	1.045.806.531	239.431.688
- Lãi Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.775.971.984	2.817.091.066
- Lãi Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	845.415	18.647.515
- Thu nhập từ chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào Công ty TNHH DTV Cái Lân	-	75.047.273.707
- Chênh lệch định giá lại các khoản đầu tư dài hạn	-	230.252.556.691
<b>Cộng</b>	<b>184.777.046.335</b>	<b>542.186.629.612</b>
(i) Cổ tức, lợi nhuận được chia :		
+ Công ty TNHH dầu thực vật Cái Lân (Calofic)	156.681.248.116	196.749.021.158
+ Công ty CP Bao bì Dầu thực vật	4.250.968.000	8.167.768.000
+ Công ty CP Dầu thực vật Tân Bình	-	2.252.950.000
<b>Cộng</b>	<b>160.932.216.116</b>	<b>207.169.739.158</b>

**7.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi tiền vay	32.435.569.204	50.611.149.574
- Lỗ Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.156.222.057	11.236.999.958
- Lỗ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	960.122.149	1.156.446.436
- Khoản lỗ từ việc chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Tân Bình	-	1.414.130.000
- Lãi phải trả nhà đầu tư	-	8.686.084.000
<b>Cộng</b>	<b>55.551.913.410</b>	<b>73.104.809.968</b>

**7.5 PHẦN LÃI HOẶC LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	Năm nay	Năm trước
- Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	1.330.650.665	2.017.036.108
- Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	56.277.877.796	(19.413.253.590)
- Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina	13.670.685.617	7.427.737.814
- Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật	7.679.762.483	3.729.744.658
- Công ty TNHH DTV Khu vực Miền Bắc Việt Nam	3.113.924.931	1.239.146.561
<b>Cộng</b>	<b>82.072.901.492</b>	<b>(4.999.588.449)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**7.6 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	40.570.301.217	35.760.629.906
- Chi phí vật liệu bao bì	978.476.934	1.327.009.614
- Chi phí đồ dùng văn phòng	-	8.142.750
- Chi phí khấu hao TSCĐ	609.549.756	597.711.212
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.213.936.136	74.364.341.388
- Chi phí khác bằng tiền	164.587.172.077	263.372.187.318
<b>Cộng</b>	<b>272.959.436.120</b>	<b>375.430.022.188</b>

**7.7 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	62.018.225.982	59.471.095.549
- Chi phí vật liệu	1.659.396.610	73.499.937
- Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	676.387.669	1.918.359.919
- Chi phí khấu hao, sửa chữa TSCĐ	11.416.584.391	12.266.354.755
- Thuế, phí, lệ phí	7.000.000	21.118.528
- Chi phí dự phòng	5.642.232.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.794.519.797	14.979.351.946
- Chi phí bằng tiền khác	30.650.029.322	37.560.657.849
<b>Cộng</b>	<b>128.864.375.771</b>	<b>126.290.438.483</b>

**7.8 THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập do bán phế liệu, phế phẩm	445.064.546	2.058.586.654
- Xử lý thừa nguyên liệu, hàng hóa	-	1.844.827.283
- Thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	296.363.637
- Thuế tự vệ được hoàn	768.634.434	1.774.886.363
- Thu bảo hiểm bồi thường	1.948.289.133	3.733.336.545
- Nhận bồi thường vi phạm hợp đồng kinh tế	-	877.692.315
- Xử lý công nợ	152.600.210	2.093.571.352
- Thu nhập khác	1.721.623.365	2.836.547.461
<b>Cộng</b>	<b>5.036.211.688</b>	<b>15.515.811.610</b>

**7.9 CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
- Bán phế liệu, phế phẩm	1.111.084.921	1.008.566.140
- VAT đầu vào của hàng hóa hao hụt không được bảo hiểm bồi thường	-	150.343.108
- Tiền phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	306.572.334	208.349.943
- Bồi thường hợp đồng kinh tế	-	243.339.761
- Khác	10.634.080	261.268.518
<b>Cộng</b>	<b>1.428.291.335</b>	<b>1.871.867.470</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 7.10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	17.918.765.961	17.557.113.771
- Điều chỉnh Chi phí Thuế TNDN của các năm trước theo biên bản quyết toán vốn Nhà nước và thanh tra Bộ tài chính	23.220.000	116.371.363
<b>Cộng</b>	<b>17.941.985.961</b>	<b>17.673.485.134</b>

### 7.11 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	277.946.991.189	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	5.369.297.968	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	121.800.000	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.238</b>	<b>-</b>

### 7.12 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	277.946.991.189	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	5.369.297.968	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	121.800.000	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.238</b>	<b>-</b>

## 8. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### 8.1 Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Không có khoản tiền và tương đương tiền lớn nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

### 8.2 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	4.033.850.949.419	6.331.051.228.124

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

8.3 Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	4.392.601.914.914	6.416.325.964.475

**9. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

9.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

9.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

**9.3 Thông tin về các bên liên quan****9.3.1. Bên có liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Dầu thực vật Tân Bình	Công ty liên kết
Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè	Công ty liên kết
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	Công ty liên kết
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG - Vina	Công ty liên kết
Công ty CP Bao bì dầu thực vật	Công ty liên kết
Công ty TNHH DTV Khu vực miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Tập đoàn KIDO	Tổng công ty là Công ty liên kết

**9.3.2. Giao dịch với bên có liên quan**

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc công ty mẹ, công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng, thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt	15.115.377.600	9.024.936.000
<b>Cộng</b>	<b>15.115.377.600</b>	<b>9.024.936.000</b>

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình</b>			
	Bán nguyên liệu, hàng hóa, thành phẩm	603.294.707.820	878.853.363.889
	Đã thu tiền hàng	677.357.604.237	916.675.989.305
	Phí dịch vụ phải trả	4.244.980.847	5.509.385.090
	Đã trả phí dịch vụ	4.244.980.847	5.509.385.090
	Phải trả tiền mua TSCĐ, chi phí sửa chữa kho	1.043.174.660	-
	Đã trả tiền mua TSCĐ, chi phí sửa chữa kho	1.043.174.660	-
	Đã thu tiền cổ tức	1.114.938.449	-
<b>Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè</b>			
	Bán nguyên liệu, hàng hóa, thành phẩm	-	48.007.270.520
	Đã thu tiền hàng	-	48.007.270.520
	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	877.802.669	23.162.336.531
	Đã trả tiền mua hàng hóa, nguyên vật liệu	2.095.675.450	21.944.463.750
	Phí dịch vụ và các khoản có liên quan	5.827.572.451	9.587.857.532
	Đã thu phí	5.683.807.036	9.663.276.518
	Cho mượn hàng, trả hàng	8.606.619.128	8.451.546.640
<b>Công ty TNHH Dầu Thực Vật Cái Lân</b>			
	Phải thu tiền gia công	58.694.188.388	65.628.860.291
	Đã thu tiền gia công	59.262.233.298	76.241.324.003
	Lợi nhuận được chia bằng tiền	156.681.248.116	150.805.893.546
	Lợi nhuận được chia để lại tăng vốn điều lệ	-	45.943.127.612
	Đã thu tiền từ lợi nhuận được	82.945.489.967	70.298.758.425
<b>Công ty TNHH Mỹ phẩm LG-VINA</b>			
	Đã thu tiền cổ tức	4.800.000.000	6.800.000.000
<b>Công ty CP Bao bì Dầu thực vật</b>			
	Mua hàng	6.144.254.398	5.162.706.682
	Đã trả tiền mua hàng	5.716.789.338	5.937.921.936
	Đã thu tiền cổ tức	7.065.600.000	-
<b>Công ty CP Tập đoàn KIDO</b>			
	Phải thu tiền gia công	189.077.270.370	-
	Đã trả tiền gia công	177.449.455.866	-

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình</b>	Phải thu tiền hàng	8.167.500	99.458.123.801
<b>Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè</b>	Phải thu phí dịch vụ	190.475.297	46.709.882
	Phải trả tiền hàng	-	1.217.872.781
<b>Công ty TNHH Dầu Thực Vật Cái Lân</b>	Phải thu tiền gia công	2.677.106.872	3.245.151.782
	Phải thu cổ tức	156.681.248.116	82.945.489.967
<b>Công ty TNHH Mỹ phẩm LG-VINA</b>	Phải thu cổ tức	-	4.800.000.000
<b>Công ty CP Bao bì Dầu thực vật</b>	Phải trả tiền hàng	858.788.260	574.801.345
	Phải thu cổ tức	-	7.065.600.000
<b>Công ty CP Tập đoàn KIDO</b>	Phải thu tiền gia công	11.627.814.504	-

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 9.4 Thông tin về Báo cáo bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty chủ yếu là mua bán nguyên liệu chế biến dầu thực vật và sản xuất dầu thực vật, hoạt động kinh doanh dịch vụ kho cảng, cho thuê mặt bằng chiếm tỷ trọng không đáng kể nên Tổng công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, doanh thu chủ yếu là doanh thu bán hàng nội địa, doanh thu xuất khẩu là không đáng kể nên Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

### 9.5 QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Tổng công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Tổng công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tổng công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

#### 9.5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

##### *a. Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tổng công ty thường xuyên theo dõi sự thay đổi của tỷ giá hối đoái, cân đối thu chi ngoại tệ để hạn chế rủi ro ngoại tệ.

##### *b. Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Tổng công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### *c. Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 9.5.2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

#### Tổng công ty quản lý rủi ro tín dụng thương mại như sau:

Tổng công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo nhóm đối tượng khách hàng. Cụ thể:

- + Đối với khách hàng nước ngoài, Tổng công ty chủ yếu bán hàng theo phương thức thanh toán L/C nên sẽ giảm thiểu đến mức thấp nhất rủi ro tín dụng.

- + Một số trường hợp khác sẽ do Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty xem xét, đánh giá khả năng thanh toán từng khách hàng cụ thể để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Nhìn chung, Tổng công ty đã có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phải thu khách hàng thích hợp nên rủi ro này được đánh giá là thấp;

### 9.5.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản.

Tổng công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tổng công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Tổng công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền thu được từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tổng công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	1.007.635.306.241	3.690.483.044	9.783.071.938	1.021.108.861.223
Phải trả người bán	259.581.804.362	-	-	259.581.804.362
Phải trả người lao động	40.453.562.350	-	-	40.453.562.350
Chi phí phải trả	7.921.020.868	-	-	7.921.020.868
Các khoản phải trả khác	277.642.616.706	-	-	277.642.616.706
<b>Cộng</b>	<b>1.593.234.310.527</b>	<b>3.690.483.044</b>	<b>9.783.071.938</b>	<b>1.606.707.865.509</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	1.366.145.704.824	3.690.483.044	10.023.638.850	1.379.859.826.718
Phải trả người bán	93.082.240.852	-	-	93.082.240.852
Phải trả người lao động	45.059.528.411	-	-	45.059.528.411
Chi phí phải trả	7.111.775.045	-	-	7.111.775.045
Các khoản phải trả khác	562.111.158.911	-	-	562.111.158.911
<b>Cộng</b>	<b>2.073.510.408.043</b>	<b>3.690.483.044</b>	<b>10.023.638.850</b>	<b>2.087.224.529.937</b>

Tổng công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### *Tài sản đảm bảo*

#### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Tổng công ty không có tài sản thế chấp nào cho đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Tổng công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## 9.6 TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	212.671.695.457	653.385.260.529	212.671.695.457	653.385.260.529
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255.000.000.000	75.796.000.000	255.000.000.000	75.796.000.000
Phải thu khách hàng	137.700.726.468	200.125.541.466	133.448.494.468	200.125.541.466
Trả trước cho người bán	3.750.367.462	1.626.663.500	3.750.367.462	1.626.663.500
Các khoản phải thu khác	124.654.379.319	131.743.131.531	123.264.379.319	131.743.131.531
<b>Cộng</b>	<b>733.777.168.706</b>	<b>1.062.676.597.026</b>	<b>728.134.936.706</b>	<b>1.062.676.597.026</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	259.581.804.362	93.082.240.852	259.581.804.362	93.082.240.852
Người mua trả tiền trước	13.657.525.185	11.204.875.315	13.657.525.185	11.204.875.315
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	1.021.108.861.223	1.379.859.826.718	1.021.108.861.223	1.379.859.826.718
Phải trả người lao động	40.453.562.350	45.059.528.411	40.453.562.350	45.059.528.411
Chi phí phải trả	7.921.020.868	7.111.775.045	7.921.020.868	7.111.775.045
Các khoản phải trả khác	277.860.926.106	562.111.158.911	277.860.926.106	562.111.158.911
<b>Cộng</b>	<b>1.620.583.700.094</b>	<b>2.098.429.405.252</b>	<b>1.620.583.700.094</b>	<b>2.098.429.405.252</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Tổng công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Riêng khoản phải thu khách hàng được Tổng công ty đánh giá lại giá trị hợp lý bằng cách giảm trừ khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư dài hạn của Tổng công ty và Tổng công ty chưa có dự định nào để bán các tài sản tài chính này trong tương lai gần.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**9.7 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	54,1%	59,9%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	45,9%	40,1%
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	53,1%	63,9%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	46,9%	36,1%
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán tức thời	lần	0,13	0,31
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,49	0,52
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,03	0,94
<b>Tỷ suất sinh lợi</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	6,56%	9,51%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6,19%	9,19%
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	10,3%	17,0%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	9,7%	16,4%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	%	23,4%	45,5%

**9.8 ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC DO CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CỦA NĂM NAY : Không có****9.9 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Tổng Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 9.10 SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng năm 2015 của Công ty mẹ, số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ đã được điều chỉnh theo Quyết định số 197/QĐ-BCT ngày 15/01/2016 về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty mẹ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần và Kết luận Thanh tra số 55/ KL-TTr ngày 19/01/2016 về việc thanh tra tài chính tại Công ty mẹ.

Việc điều chỉnh số liệu của Báo cáo tài chính năm 2014 ( bao gồm số dư tại ngày 31/12/2014 trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 ) được thực hiện theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài Chính ( sau đây gọi tắt là "TT 127" ) về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Hướng dẫn của TT 127 có một số đặc thù, khác biệt với chế độ kế toán được ban hành theo TT 200. Cụ thể như sau :

- Không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp; (TT 200 yêu cầu thực hiện các nội dung này )

- Thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán; tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán phát sinh tăng hoặc giảm so với giá đang hạch toán trên sổ kế toán được ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2014. ( Năm 2015, Tổng công ty không phải thực hiện nội dung này )

- Cổ phiếu nhận được do công ty cổ phần chia cổ tức tính từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được ghi tăng khoản đầu tư tài chính và tăng thu nhập hoạt động tài chính trong kỳ; ( TT 200 không cho phép );

Do vậy, số đầu năm/ số năm trước của một số chỉ tiêu liên quan đến các nội dung nêu trên của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 cũng được điều chỉnh theo Báo cáo tài chính riêng và các chỉ tiêu này không có tính so sánh.

Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2014 sau khi điều chỉnh được trình bày lại như sau :





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**9.10 SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)**

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Trình bày trên BCTCHN kết thúc ngày 31/12/2014	Điều chỉnh	Trình bày lại trên BCTCHN tại ngày 01/01/2015
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>					
<b>TÀI SẢN</b>					
1	Tiền	111	414.541.820.410	(2.309.000)	414.539.511.410
2	Chứng khoán kinh doanh	121	-	2.826.954.422	2.826.954.422
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	87.703.412.164	44.039.719.367	131.743.131.531
4	Hàng tồn kho	141	898.613.651.665	(311.243)	898.613.340.422
5	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(11.606.081.256)	2.620.242	(11.603.461.014)
6	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.696.849.882	47.579.298	1.744.429.180
7	Tài sản ngắn hạn khác	155	25.626.000	(25.626.000)	-
8	Giá trị còn lại TSCĐHH	221	404.893.059.647	3.239.066.116	408.132.125.763
9	Giá trị còn lại BDSĐT	230	5.707.099.210	692.908.241	6.400.007.451
10	Đầu tư vào công ty liên doanh liên	252	719.165.642.214	149.084.654.323	868.250.296.537
11	Đầu tư vào đơn vị khác	253	-	-	-
12	Chi phí trả trước dài hạn	261	20.314.895.937	8.505.647.509	28.820.543.446
<b>Tổng cộng điều chỉnh tài sản</b>				<b>208.410.903.275</b>	
<b>NGUỒN VỐN</b>					
13	Người mua trả tiền trước	312	12.151.375.315	(946.500.000)	11.204.875.315
14	Phải trả ngắn hạn khác	319	15.028.462.436	547.082.696.475	562.111.158.911
15	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15.121.737.292	6.560.969.418	21.682.706.710
16	Vốn góp của chủ sở hữu	411	674.533.000.000	543.467.000.000	1.218.000.000.000
17	Vốn khác của chủ sở hữu	414	83.139.893.867	(83.139.893.867)	-
18	Chênh lệch đánh giá lại TS	416	160.915.638.354	(383.200.241.770)	(222.284.603.416)
19	Quỹ đầu tư phát triển	418	230.961.082	(230.961.082)	-
20	Quỹ dự phòng tài chính		1.109.431.716	(1.109.431.716)	-
21	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	421	416.905.473.880	(419.774.241.541)	(2.868.767.661)
22	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	298.492.642	(298.492.642)	-
<b>Tổng cộng điều chỉnh nguồn vốn</b>				<b>208.410.903.275</b>	

005  
TỔ  
CÔNG  
ÔNG N  
Ủ THU  
IỆT  
-CT  
-T.PH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
1	Giá vốn hàng bán	11	5.149.828.860.731	(4.030.160.593)	5.145.798.700.138
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	563.008.572.294	4.030.160.593	567.038.732.887
3	Doanh thu hoạt động tài chính	21	342.867.936.101	199.318.693.511	542.186.629.612
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	326.051.649.307	203.348.854.104	529.400.503.411
5	Thu nhập khác	31	14.184.487.982	1.331.323.628	15.515.811.610
6	Chi phí khác	32	1.844.185.689	27.681.781	1.871.867.470
7	Lợi nhuận khác	40	12.340.302.293	1.303.641.847	13.643.944.140
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	338.391.951.600	204.652.495.951	543.044.447.551
9	Chi phí thuế TNDNHH	51	17.557.113.771	116.371.363	17.673.485.134
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	320.527.052.874	204.536.124.588	525.063.177.462

**9.10 SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)**

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Trình bày trên BCTCHN kết thúc ngày 31/12/2014	Điều chỉnh	Trình bày lại trên BCTCHN tại ngày 01/01/2015
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾN TỆ</b>					
1	Lợi nhuận trước thuế	01	338.391.951.600	204.652.495.951	543.044.447.551
2	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	58.502.232.801	(4.030.160.593)	54.472.072.208
3	(Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(327.749.486.137)	(199.318.693.511)	(527.068.179.648)
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	124.492.580.961	1.303.641.847	125.796.222.809
5	(Tăng)/giảm Các khoản phải trả (không kể Lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(92.955.281.989)	27.681.781	(92.927.600.208)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	958.154.615.950	(957.619.915.950)	534.700.000
7	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(985.212.829.637)	956.059.238.723	(29.153.590.914)
8	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(135.584.424.560)	(231.662.599)	(135.816.087.159)
9	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	953.400.923.939	953.400.923.939

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 9.10 SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Trình bày trên BCTCHN kết thúc ngày 31/12/2014	Điều chỉnh	Trình bày lại trên BCTCHN tại ngày 01/01/2015
10	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(953.171.570.340)	(953.171.570.340)
11	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(103.465.540.351)	229.353.599	(103.236.186.752)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu



Trần Thị Mai Phương

Kế toán trưởng



Hồ Minh Sơn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Xuân Liễu